

Số: 54/BC-THNT

Mường Thanh, ngày 30 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công tác công khai năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Nam Thanh

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: Tổ dân phố 4 - Phường Mường Thanh - Tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ thư điện tử: thnamthanh.pgdtptdienbienphu.edu.vn.

Địa chỉ trang thông tin điện tử (Website): thnamthanh.muongthanh.edu.vn.

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập thuộc quyền quản lý trực tiếp của UBND phường Mường Thanh; cơ quan chuyên môn phòng Văn hoá – Xã hội phường Mường Thanh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

4.1. Tầm nhìn

Trở thành trường có chất lượng giáo dục cao và bền vững; là nơi giáo viên và học sinh luôn có niềm vui, tự tin, năng động, sáng tạo; mạnh về trí lực, khỏe về thể chất và có khát vọng vươn tới thành công; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình.

4.2. Sứ mạng, mục tiêu

Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, văn minh, hiện đại và hạnh phúc. Tạo điều kiện để mỗi học sinh được học tập, rèn luyện nhằm phát huy những tiềm năng, những năng lực sở trường, tính năng động, sáng tạo và tư duy tốt nhất, đảm bảo khi hoàn thành chương trình Tiểu học các em phải là những người có đạo đức, có sức khỏe, yêu quê hương đất nước, có lòng tự hào dân tộc, có các kỹ năng sống cơ bản theo lứa tuổi, có kiến thức chắc chắn để học tốt ở bậc học sau.

4.3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường.

- * Tình đoàn kết, hợp tác
- * Tinh thần trách nhiệm
- * Tính trung thực

- * Lòng nhân ái, khoan dung
- * Tự tin, sáng tạo, đổi mới
- * Khát vọng vươn lên

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

Trường Tiểu học Nam Thanh được thành lập gần 30 năm phấn đấu và trưởng thành nhà trường đã không ngừng phát triển, từng bước ổn định và đi vào hoạt động có hiệu quả, khẳng định được vị thế của mình trong ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ và của tỉnh Điện Biên. Nhiều năm qua nhà trường liên tục được UBND tỉnh công nhận Tập thể LĐTĐ, Tập thể LDXS; UBND tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc và Bằng khen. Năm học 2017-2018 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba. Năm học 2022-2023 Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì, Thủ tướng chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc. Năm học 2024-2025 đề nghị Bộ Giáo dục tặng Bằng khen.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện (Hiệu trưởng): Hoàng Bích Huệ

Số điện thoại: 0983496183

Thư điện tử: hoanghue@dienbienphu.edu.vn;

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số: 402/QĐ- UB ngày 15/12/2003 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc đổi tên các trường học của phường Nam Thanh, Thanh Trường thuộc thành phố Điện Biên Phủ: Trường Tiểu học Mường Thanh đổi tên trường Tiểu học Nam Thanh thành phố Điện Biên Phủ

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số: 54/QĐ-UBND ngày 15/1/2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ, Quyết định về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học Nam Thanh nhiệm kỳ 2023-2028;

Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 11/6/2025 của UBND thành phố Điện Biên Phủ, Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng trường Tiểu học Nam Thanh nhiệm kỳ 2023-2028.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 14/2/2025 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thanh bà Hoàng Bích Huệ.

Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Mường Thanh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thanh, phường Mường Thanh từ ngày 01/7/2025 bà Hoàng Bích Huệ.

Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thanh bà Trần Thị Thu Hiền.

Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Mường Thanh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thanh, phường Mường Thanh từ ngày 01/7/2025 bà Trần Thị Thu Hiền.

Quyết định số: 1944/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc bổ nhiệm lại viên chức Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thanh ông Hoàng Anh Tuấn.

Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Mường Thanh về việc bổ nhiệm viên chức quản lý Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Nam Thanh, phường Mường Thanh từ ngày 01/7/2025 ông Hoàng Anh Tuấn.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có):

- Trường Tiểu học Nam Thanh thực hiện tổ chức và hoạt động theo Luật Giáo dục và Thông tư số: 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;

* Ban giám hiệu:

- Hiệu trưởng: Hoàng Bích Huệ

- P.Hiệu trưởng : Trần Thị Thu Hiền

- P.Hiệu trưởng: Hoàng Anh Tuấn

* Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng:

Tổ chuyên môn khối 1

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức danh
1	Trần Thị Thu Hiền	Đại học	P.Hiệu trưởng
2	Nguyễn Thị Hậu	Đại học	Giáo viên văn hóa
3	Nhâm Thị Giang	Đại học	Giáo viên văn hóa
4	Phạm Thị Quyên	Đại học	Giáo viên văn hóa
5	Nguyễn Thị Hoa (B)	Đại học	Giáo viên văn hóa
6	Vũ Đình Hoàng	Đại học	Giáo viên GDTC
7	Mai Thương	Đại học	Tổng phụ trách đội - GV AN

Tổ chuyên môn khối 2

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức danh
1	Hoàng Anh Tuấn	Thạc sĩ	P.Hiệu trưởng
2	Nguyễn Thị Châm	Đại học	Giáo viên văn hóa

3	Đinh Thị Nụ	Đại học	Giáo viên văn hóa
4	Lâm Thị Thảo	Đại học	Giáo viên văn hóa
5	Trần Thị Lan Anh	Đại học	Giáo viên văn hóa
6	Đỗ Thị Phụng	Đại học	Giáo viên văn hóa
7	Nguyễn Thị Yên	Đại học	Giáo viên Tin học
8	Nguyễn Xuân Quỳnh	Đại học	Giáo viên Mỹ thuật

Tổ chuyên môn khối 3

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức danh
1	Phạm Thị Tú	Đại học	Giáo viên văn hóa
2	Nguyễn Thị Minh Huệ	Đại học	Giáo viên văn hóa
3	Phan Thị Lịch	Đại học	Giáo viên văn hóa
4	Nguyễn Thị Hoa (A)	Đại học	Giáo viên văn hoá
5	Tạ Thị Hằng	Đại học	Giáo viên tiếng Anh
6	Vũ Việt Hùng	Đại học	Giáo viên Tin học
7	Trần Thị Thu Thêm	Đại học	Nhân viên thư viện

Tổ chuyên môn khối 4

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức danh
1	Hoàng Bích Huệ	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
2	Phạm Thị Mai Hiền	Đại học	Giáo viên văn hóa
3	Bùi Kim Thơm	Đại học	Giáo viên văn hóa
4	Vũ Hồng Thanh	Đại học	Giáo viên văn hóa
5	Phạm Thị Thanh Tâm	Đại học	Giáo viên văn hoá
6	Cao Trung Tình	Đại học	Giáo viên văn hoá
7	Nguyễn Thị Quyên	Đại học	Giáo viên tiếng Anh

Tổ chuyên môn khối 5

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức danh
1	Lương Thị Loan	Đại học	Giáo viên văn hóa
2	Hoàng Thị Thuỷ	Đại học	Giáo viên văn hóa
3	Nguyễn Thị Khánh	Đại học	Giáo viên văn hóa
4	Đỗ Thị Thanh	Đại học	Giáo viên văn hoá
5	Trần Thị Liên	Đại học	Giáo viên văn hoá
6	Trần Thanh Quỳnh	Đại học	Giáo viên GDTC
7	Hoàng Công Thành	Đại học	Giáo viên Âm nhạc
8	Mai Thị Ân	Đại học	Giáo viên tiếng Anh

Tổ văn phòng

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức danh
1	Hoàng Thị Hoài Thu	Đại học	Nhân viên Kế toán
2	Phạm Hải Yên	Trung cấp	Nhân biên Y tế
3	Cầm Thị Hà	Trung cấp	Nhân viên phục vụ
4	Đỗ Xuân Trào	Nhân viên Bảo vệ	
5	Đèo Văn Dương	Nhân viên Bảo vệ	

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Bà Hoàng Bích Huệ - Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0983496183

Thư điện tử: hoanghue@dienbienphu.edu.vn;

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Nam Thanh - Tổ 4 - Phường Mường Thanh - Tỉnh Điện Biên.

*** Nhiệm vụ:**

Lãnh đạo, điều hành mọi hoạt động của nhà trường và thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 11 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo; trực tiếp chỉ đạo, điều hành và phụ trách một số lĩnh vực công tác: công tác đoàn thể, công tác cán bộ. Phụ trách công tác tài chính, tài sản; trưởng ban khuyến học trường; Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng trường; Công tác Xã hội hóa giáo dục; thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; Công tác bán trú, trực tiếp theo dõi và phụ trách trường.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; duyệt kế hoạch giáo dục nhà trường; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Tham gia giảng dạy 2 tiết/ tuần: Môn Đạo đức (lớp 5a1, 5a3). Thuộc biên chế tổ 4

2. Trần Thị Thu Hiền- Phó BT chi bộ - Phó Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0366517433

Địa chỉ thư điện tử: hiendb123@gmail.com;

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Nam Thanh - Tổ 4 - Phường Mường Thanh - Tỉnh Điện Biên.

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 11 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo; được hiệu trưởng ủy quyền chỉ đạo công việc của nhà trường khi hiệu trưởng đi công tác vắng. Giúp Hiệu trưởng chỉ đạo các lĩnh vực: Công tác chuyên môn; Công tác bồi dưỡng đội ngũ; Các cuộc thi của giáo viên và học sinh; Thực hiện pháp luật về phòng chống tham nhũng; Thực hiện dân chủ cơ sở; Kiểm định chất lượng, trường CQG; Xử lý thông tin trên Hồ sơ công việc.

Chỉ đạo đổi mới chương trình GDPT 2018 đối với khối 1,2,3,4,5 Tổ trưởng Tổ tư vấn, hỗ trợ học sinh. Công tác xã hội trường học.

Phụ trách chuyên môn chính của nhà trường, trực tiếp phụ trách chuyên môn khối 1,4,5; Công tác bồi dưỡng thường xuyên; P.Hội trưởng hội khuyến học trường; P.Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng trường.

Xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường; Chỉ đạo thực hiện kế hoạch giảng dạy, kiểm tra đánh giá học sinh, duyệt kết quả lên lớp, ở lại lớp khối 1,4,5.

Phụ trách công tác kiểm định chất lượng giáo dục; công tác kiểm tra nội bộ trường học, hồ sơ thi đua.

Phụ trách các cuộc thi (các cấp) của giáo viên, nhân viên, học sinh; Tổ chức các chuyên đề, thao giảng, hội giảng, bồi dưỡng chuyên môn cho CBQL, GV, NV.

Tham mưu các loại hồ sơ thực hiện pháp luật về phòng chống tham nhũng; Thực hiện dân chủ cơ sở.

Kiểm tra, duyệt kế hoạch tổ chuyên môn, giáo viên thuộc khối mình quản lý.

Phụ trách hồ sơ bán trú; Quản lý hoạt động trông trưa, theo dõi nề nếp ăn ngủ của học sinh.

Phối hợp chỉ đạo công tác lao động, vệ sinh trường lớp, phòng cháy chữa cháy, an toàn trường học.

Phối hợp quản lý hệ thống CSDL quốc gia, hồ sơ giáo dục, học bạ số, báo cáo, thống kê.

Phối hợp triển khai, thực hiện công tác ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, ứng dụng AI trong chuyên môn dạy học và quản lý.

- Điều hành các hoạt động khi Hiệu trưởng vắng mặt.
- Ký duyệt các báo cáo, hồ sơ trong phạm vi khối phụ trách.
- Tham mưu và báo cáo Hiệu trưởng kịp thời về các nội dung được phân công đảm bảo thời gian, tiến độ công việc theo kế hoạch.

- Giảng dạy 4 tiết/tuần (Môn Đạo đức lớp 1a1, 1a2, 1a3, 1a4); thuộc biên chế tổ 1.

Tham gia, thực hiện các công việc khác của nhà trường theo sự phân công và các Quyết định của Hiệu trưởng.

Ông Hoàng Anh Tuấn - Phó Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0832531899

Địa chỉ thư điện tử: hoangtuanlcdb@gmail.com;

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Nam Thanh - Tổ 4 - Phường Mường Thanh - Tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ:

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 11 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo. Giúp Hiệu trưởng chỉ đạo các lĩnh vực: Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị trong nhà trường; Công tác chuyên môn; Công tác đội; Công tác bồi dưỡng đội ngũ; công tác PC-XMC; PCGD; Công tác thống kê; phụ trách công tác lao động, các hoạt động phong trào. Xử lý thông tin trên Hồ sơ công việc.

Phụ trách chuyên môn khối 2, 3, tổ văn phòng; Công tác đội; Đoàn thanh niên; Kiểm định chất lượng giáo dục; công tác PC-XMC; các hoạt động phong trào; các cuộc vận động và phong trào thi đua, công tác Bảo vệ bí mật nhà nước.

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch giảng dạy, kiểm tra đánh giá học sinh, duyệt kết quả lên lớp, ở lại lớp khối 2, 3.

Phối hợp thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục, công tác kiểm tra nội bộ trường học, hồ sơ thi đua.

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3			3						3	2	1		
3	Tin học	2			2					2		2			
4	Âm nhạc	2			2					1	1	2			
5	Mỹ thuật	1			1						1	1			
6	Thể dục	2			2					2		2			
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1						2	2			
II I	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1					1					
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1				1				1					
5	Nhân viên thư viện	1			1					1					
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

CBQL: Đồng chí Hiệu trưởng và đồng chí Phó hiệu trưởng được cấp trên đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ: Tốt 3/3 đạt 100%

Giáo viên: 33 đồng chí giáo viên đạt loại tốt đạt tỉ lệ: $32/33 = 97\%$; 1 đồng chí đạt loại khá, đạt tỉ lệ $1/33 = 3\%$

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: $36/36 = 100\%$ (trong đó 03 CBQL, 33 GV)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	21/21	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21/21	1,5 m ²
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	4586,2 m ²	6,4 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1500 m ²	2,1 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng	1224 m ²	1,7 m ²
1	Diện tích phòng học (m ²)	1008 m ²	1,4 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	48m ²	1,4 m ²
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)</i>		
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)</i>		
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)</i>	48 m ²	1,4 m ²
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m²)</i>	48 m ²	1,4 m ²
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)</i>	24 m ²	
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)</i>	12 m ²	
9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>	36 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	21 bộ	
1.1	Khối lớp 1	05 bộ	01 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	04 bộ	01 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	04 bộ	01 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	04 bộ	01 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	04 bộ	01 bộ/lớp
2	Tổng số TB dạy học tối thiểu thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	38	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	04	
2	Cát xét	11	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	16	
5	Thiết bị khác:- Máy in	06	
6	Bảng tương tác	05	

	Nội dung	Số lượng(m²)
X	Nhà bếp	70 m ²
XI	Nhà ăn	Không

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không		
XIII	Khu nội trú	Không		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	70 m ²	35/35		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Không	Không	Không	Không	Không

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

Danh mục Sách giáo khoa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020-2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-

UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh, lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh, lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh. Cụ thể:

Sách giáo khoa Chương trình GDPT 2018				
Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt 1 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 3 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)
Toán 1	Toán 2	Toán 3	Toán 4	Toán 5
Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 5
		Tin học 3	Tin học 4	Tin học 5
		Công nghệ 3	Công nghệ 4	Công nghệ 5
			Lịch sử và Địa lý 4	Lịch sử và Địa lý 5
TNXH 1	TNXH 2	TNXH 3	Khoa học 4	Khoa học 5
Đạo đức 1	Đạo đức 2	Đạo đức 3	Đạo đức 4	Đạo đức 5
Âm nhạc 1	Âm nhạc 2	Âm nhạc 3	Âm nhạc 4	Âm nhạc 5
Mĩ thuật 1	Mĩ thuật 2	Mĩ thuật 3	Mĩ thuật 4	Mĩ thuật 5
Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục thể chất 4	Giáo dục thể chất 5
Hoạt động trải nghiệm 1	Hoạt động trải nghiệm 2	Hoạt động trải nghiệm 3	Hoạt động trải nghiệm 4	Hoạt động trải nghiệm 5
Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 2	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 3	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 4	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 5

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4	X		
Tiêu chí 5	X		

Kết luận: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3

1.2. *Đánh giá theo Chuẩn quốc gia:* Đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 02.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia:

Nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 và Đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 theo Quyết định số 431/QĐ-SGDĐT ngày 12/7/2023.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a.Kế hoạch tuyển sinh năm học: 2025-2026

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

Đối tượng tuyển sinh:

Tuyển tất cả trẻ em 6 tuổi sinh năm 2019 và số trẻ sinh năm 2018,2017,... chưa ra học lớp 1, kể cả trẻ khuyết tật trên địa bàn phường Mường Thanh (nếu có); học sinh 6 tuổi các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh khác có nhu cầu học tại trường Tiểu học Nam Thanh.

Hồ sơ tuyển sinh

Đơn xin học (theo mẫu nhà trường).

Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (kèm theo bản chính để đối chiếu).

Bản chính hoặc bản sao các giấy tờ xác nhận có liên quan đến chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

Chỉ tiêu tuyển sinh

Số lớp: 04 lớp

Số học sinh: 135 học sinh

Thời gian, địa điểm tuyển sinh:

Thời gian: Từ ngày 01/6/2025 đến hết ngày 15/7/2025 (nhận hồ sơ trong giờ hành chính; trừ thứ bảy, chủ nhật)

Địa điểm: Phòng Phó hiệu trưởng (tầng 1)

Số điện thoại liên hệ: 0832531899 – Thầy Hoàng Anh Tuấn (P.Hiệu trưởng)

Thông báo kết quả tuyển sinh: Ngày 01/8/2025

b. Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026

Số lớp, số học sinh

Khối	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	HS diện chính sách (NĐ/86/2015; TT/42/2013)				HS có hoàn cảnh KK	Học sinh bán trú
					Tổng	Mồ côi	Hộ nghèo	Khuyết tật		
Khối 1	136	62	56	27	5	0	0	4	4	98
Khối 2	151	81	52	22	1	0	0	1	4	85
Khối 3	137	73	52	24	1	0	0	0	7	75
Khối 4	134	66	39	23	0	0	2	1	0	56
Khối 5	151	54	45	18	5	0	4	4	8	50
Tổng	709	336	244	114	12	0	6	10	23	365

Các môn học và hoạt động giáo dục

Môn học	MĐĐ	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Tiếng Việt	HTT	507	72.3	98	74.2	111	73.5	99	72.3	95	70.9	104	70.7
	HT	194	27.7	34	25.8	40	26.5	38	27.7	39	29.1	43	29.3
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Toán	HTT	501	71.5	96	72.7	110	72.8	98	71.5	94	70.1	103	70.1
	HT	200	28.5	36	27.3	41	27.2	39	28.5	40	29.9	44	29.9
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Ngoại ngữ	HTT	502	71.6	97	73.5	110	72.8	98	71.5	94	70.1	103	70.1
	HT	199	28.4	35	26.5	41	27.2	39	28.5	40	29.9	44	29.9
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Đạo đức	HTT	684	97.6	128	97.0	148	98.0	134	97.8	130	97.0	144	98.0
	HT	17	2.4	4	3.0	3	2.0	3	2.2	4	3.0	3	2.0
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
TN&XH	HTT	357	85.0	112	84.8	125	82.8	120	87.6				
	HT	63	15.0	20	15.2	26	17.2	17	12.4				
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0				
	HTT	230	81.9							110	82.1	120	81.6

Lịch sử- Địa lý	HT	51	18.1							24	17.9	27	18.4
	CHT	0	0.0							0	0.0	0	0.0
Khoa học	HTT	232	82.6							112	83.6	120	81.6
	HT	49	17.4							22	16.4	27	18.4
	CHT	0	0.0							0	0.0	0	0.0
Tin học	HTT	356	85.2					115	83.9	116	86.6	125	85.0
	HT	62	14.8					22	16.1	18	13.4	22	15.0
	CHT	0	0.0					0	0.0	0	0.0	0	0.0
Công nghệ	HTT	361	86.4					120	87.6	116	86.6	125	85.0
	HT	57	13.6					17	12.4	18	13.4	22	15.0
	CHT	0	0.0					0	0.0	0	0.0	0	0.0
GDTC	HTT	636	90.7	120	90.9	135	89.4	124	90.5	122	91.0	135	91.8
	HT	65	9.3	12	9.1	16	10.6	13	9.5	12	9.0	12	8.2
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Âm nhạc	HTT	598	85.3	112	84.8	125	82.8	120	87.6	116	86.6	125	85.0
	HT	103	14.7	20	15.2	26	17.2	17	12.4	18	13.4	22	15.0
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Mĩ Thuật	HTT	636	90.7	120	90.9	135	89.4	124	90.5	122	91.0	135	91.8
	HT	65	9.3	12	9.1	16	10.6	13	9.5	12	9.0	12	8.2
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
HĐTN	HTT	636	90.7	120	90.9	135	89.4	124	90.5	122	91.0	135	91.8
	HT	65	9.3	12	9.1	16	10.6	13	9.5	12	9.0	12	8.2
	CHT	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0

Kết quả giáo dục cuối năm học:

Khối lớp	TSHS	HS được ĐG	HTXS		HTT		HT		CHT	
			TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL
1	136	132	46	34.8	50	37.9	36	27.3	0	
2	151	151	48	31.8	62	41.1	41	27.2	0	
3	137	137	48	35.0	50	36.5	39	28.5	0	
4	134	134	42	31.3	52	38.8	40	29.9	0	
5	151	147	48	32.7	55	37.4	44	29.9	0	
Tổng	709	701	232	33.1	269	38.4	200	28.5	0	

Những năng lực cốt lõi

Khối lớp	Tổng	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Tổng số học sinh	709	136	151	137	134	151

<i>HS Khuyết tật</i>		10		4		1		0		1		4	
<i>HS được đánh giá</i>		701		132		151		137		134		147	
Năng lực chung	MĐĐ	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
1. Tự chủ và tự học	Tốt	507	72.3	98	74.2	111	73.5	99	72.3	95	70.9	104	70.7
	Đạt	194	27.7	34	25.8	40	26.5	38	27.7	39	29.1	43	29.3
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	642	91.6	120	90.9	140	92.7	125	91.2	122	91.0	135	91.8
	Đạt	59	8.4	12	9.1	11	7.3	12	8.8	12	9.0	12	8.2
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	501	71.5	96	72.7	110	72.8	98	71.5	94	70.1	103	70.1
	Đạt	200	28.5	36	27.3	41	27.2	39	28.5	40	29.9	44	29.9
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
Năng lực đặc thù	MĐĐ	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
1. Ngôn ngữ	Tốt	529	75.5	120	90.9	111	73.5	99	72.3	95	70.9	104	70.7
	Đạt	172	24.5	12	9.1	40	26.5	38	27.7	39	29.1	43	29.3
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
2. Tính toán	Tốt	503	71.8	98	74.2	110	72.8	98	71.5	94	70.1	103	70.1
	Đạt	198	28.2	34	25.8	41	27.2	39	28.5	40	29.9	44	29.9
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
3. Khoa học	Tốt	621	88.6	120	90.9	135	89.4	124	90.5	122	91.0	120	81.6
	Đạt	80	11.4	12	9.1	16	10.6	13	9.5	12	9.0	27	18.4
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
4. Thẩm mĩ	Tốt	636	90.7	120	90.9	135	89.4	124	90.5	122	91.0	135	91.8
	Đạt	65	9.3	12	9.1	16	10.6	13	9.5	12	9.0	12	8.2
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0

5. Thể chất	Tốt	636	90.7	120	90.9	135	89.4	124	90.5	122	91.0	135	91.8
	Đạt	65	9.3	12	9.1	16	10.6	13	9.5	12	9.0	12	8.2
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
6. Công nghệ	Tốt	361	86.4					120	87.6	116	86.6	125	85.0
	Đạt	57	13.6					17	12.4	18	13.4	22	15.0
	CCG	0	0.0					0	0.0	0	0.0	0	0.0
7. Tin học	Tốt	356	85.2					115	83.9	116	86.6	125	85.0
	Đạt	62	14.8					22	16.1	18	13.4	22	15.0
	CCG	0	0.0					0	0.0	0	0.0	0	0.0

Những phẩm chất chủ yếu

Khối lớp		Tổng		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
Tổng số HS		709		136		151		137		134		151	
HS Khuyết tật		10		4		1		0		1		4	
HS được đánh giá		701		132		151		137		134		147	
Phẩm chất	MĐĐ	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
1. Yêu nước	Tốt	701	100.0	132	100.0	151	100.0	137	100.0	134	100.0	147	100.0
	Đạt	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
2. Nhân ái	Tốt	701	100.0	132	100.0	151	100.0	137	100.0	134	100.0	147	100.0
	Đạt	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
3. Chăm chỉ	Tốt	684	97.6	124	93.9	148	98.0	135	98.5	132	98.5	145	98.6
	Đạt	17	2.4	8	6.1	3	2.0	2	1.5	2	1.5	2	1.4
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
4. Trung thực	Tốt	701	100.0	132	100.0	151	100.0	137	100.0	134	100.0	147	100.0
	Đạt	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0
5. Trách nhiệm	Tốt	688	98.1	128	97.0	148	98.0	135	98.5	132	98.5	145	98.6
	Đạt	13	1.9	4	3.0	3	2.0	2	1.5	2	1.5	2	1.4
	CCG	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0	0	0.0

*** Khen thưởng cuối năm học:**

Khối	TSHS được đánh giá	Khen thưởng					
		TSHS được KT		HSXS		HS tiêu biểu HTT trong học tập và rèn luyện	
		TS	%	TS	%	TS	%
1	132	96	72.7	46	34.8	50	37.9
2	151	110	72.8	48	31.8	62	41.1
3	137	98	71.5	48	35.0	50	36.5
4	134	94	70.1	42	31.3	52	38.8
5	147	103	70.1	48	32.7	55	37.4
Tổng	701	501	71.5	232	33.1	269	38.4

Tổ chức Hội thi, các phong trào và bồi dưỡng HS năng khiếu

- Số lớp có Phong trào “Giữ vở sạch, viết chữ đẹp”: 21/21 lớp đạt 100%

Khối	TSHS được đánh giá	HS giữ vở sạch, viết chữ đẹp	
		Số lượng	%
1	132	110	83.3
2	151	126	83.4
3	137	115	83.9
4	134	112	83.6
5	147	122	83.0
Tổng	701	585	83.5

- Khuyến khích tất cả học sinh tham gia các cuộc thi Toán, Tiếng Anh, Trạng nguyên TV qua mạng, tham gia vòng thi các cấp.

	Khối	HS đạt giải cấp trường		HS đạt giải cấp phường		HS đạt giải cấp Tỉnh		HS đạt giải cấp QG	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Toán qua mạng	1	65	49.2	45	34.1	20	15.2		
	2	72	47.7	40	26.5	18	11.9	5	3.3
	3	68	49.6	35	25.5	16	11.7	4	2.9
	4	60	44.8	30	22.4	14	10.4	3	2.2
	5	66	44.9	33	22.4	15	10.2	3	2.0
	Tổng	331	47.2	183	26.1	83	11.8	15	2.1
Tiếng Anh qua mạng	3	50	36.5	30	21.9	15	10.9		
	4	48	35.8	28	20.9	14	10.4	4	3.0

	5	52	35.4	32	21.8	16	10.9	6	4.1
	Tổng	150	35.9	90	21.5	45	10.8	10	3.6
Trạng nguyên TV	1	72	54.5	35	26.5	18	13.6	0	0.0
	2	75	49.7	35	23.2	18	11.9	0	0.0
	3	65	47.4	30	21.9	15	10.9	2	1.5
	4	60	44.8	30	22.4	15	11.2	2	1.5
	5	70	47.6	35	23.8	16	10.9	2	1.4
	Tổng	342	48.8	165	23.5	82	11.7	6	0.9
Kể chuyện	1	10	7.6						
	2	12	7.9						
	3	10	7.3						
	4	10	7.5						
	5	12	8.2						
	Tổng	54	7.7						
Viết chữ đẹp	1	40	30.3						
	2	48	31.8						
	3	42	30.7						
	4	42	31.3						
	5	45	30.6						
	Tổng	217	31.0						
Giải bơi	3	15	10.9						
	4	18	13.4						
	5	25	17.0						
	Tổng	58	13.9						
Vẽ tranh	1	75	56.8						
	2	80	53.0						
	3	78	56.9						
	4	76	56.7						
	5	82	55.8						
	Tổng	391	55.8						

Thi báo ảnh, báo tường chào mừng các ngày lễ lớn. Thi văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam. Thi Giai điệu tuổi hồng cấp trường.

c. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh (Trích nội dung quy chế)

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định đối tượng thực hiện; trách nhiệm, quyền hạn của nhà trường, UBND phường và gia đình; nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục học sinh; quy định chế độ khen thưởng, xử lý vi phạm.

Quy chế được áp dụng trong trường Tiểu học Nam Thanh, các gia đình có người học tại trường Tiểu học Nam Thanh; UBND phường Nam Thanh.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Đảm bảo sự thống nhất về quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục.

Tổ chức các hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác tuyên truyền vận động học sinh ra lớp, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, nâng cao chất lượng giáo dục trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi bên theo quy định của pháp luật hiện hành.

Bảo đảm tính kỷ luật, kỷ cương và hiệu quả trong các hoạt động phối hợp; nâng cao trách nhiệm của mỗi bên tham gia.

Điều 3. Nội dung phối hợp

Phối hợp trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục, phối hợp tuyên truyền vận động đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch, duy trì tỷ lệ chuyên cần.

Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp.

Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

Điều 4. Đại diện

Đại diện nhà trường là Hiệu trưởng, đại diện gia đình học sinh là ban đại diện phụ huynh học sinh; đại diện UBND phường là Chủ tịch UBND và các đoàn thể chính trị - xã hội do Đoàn phường làm đại diện.

Chương II

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÀ TRƯỜNG, UBND, GIA ĐÌNH

Điều 5. Trách nhiệm của nhà trường

Quản lý, tổ chức giảng dạy và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu chương trình giáo dục, thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá nhằm hình thành và rèn

cho học sinh kỹ năng sống, kỹ năng thực hành, nếp sống, ý thức tổ chức kỷ luật.

Quản lý, giáo dục và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong thời gian học tập ở trường, tham gia hoạt động ngoại khoá trong và ngoài nhà trường.

Nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, giáo viên đặc biệt là vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên bộ môn thực hiện đánh giá chính xác, công bằng, công khai hạnh kiểm, học lực của học sinh; thường xuyên trao đổi với gia đình học sinh theo đúng quy định.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm và vị trí của tổ chức đoàn, đội, hội trong việc xây dựng nề nếp tự quản, giáo dục lý tưởng hoài bão ước mơ cho học sinh; phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm và các cấp bộ Đoàn ở cơ sở để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho học sinh. Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để người học được vui chơi, giải trí, hoạt động thể dục, thể thao lành mạnh, sau các giờ học văn hoá.

Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh; xây dựng nhà trường đảm bảo an ninh trật tự, cảnh quan xanh, sạch, đẹp; giáo dục học sinh có ý thức xây dựng và bảo vệ môi trường.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, thiên tai, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm và các tệ nạn xã hội.

Huy động lực lượng giáo viên và học sinh cùng với địa phương triển khai công tác phổ cập giáo dục, chủ động cùng chính quyền và gia đình tạo điều kiện cho trẻ được hưởng quyền học tập theo quy định của pháp luật.

Thường xuyên liên hệ chặt chẽ với gia đình học sinh, nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng, tinh thần thái độ học tập của học sinh ở nhà để có biện pháp phối hợp giáo dục; phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, trao đổi thông tin, hỗ trợ cha mẹ học sinh về kiến thức, phương pháp giáo dục con em. Định kỳ họp với cha mẹ học sinh thông tin đầy đủ quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp phù hợp trong phối hợp giáo dục học sinh.

Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, đoàn thể xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm, thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Phối hợp với các cơ quan, các ban, ngành chức năng, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, trật tự ATGT, nếp sống văn hoá, giáo dục về sức khoẻ sinh sản vị thành niên, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường cho học sinh; tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá, tạo điều kiện cho học sinh tham gia vào các phong trào, hoạt động văn hoá- xã hội-khoa học-kỹ thuật.

Báo cáo kịp thời với UBND phường về tổ chức thực hiện Quy chế ở đơn vị mình.

Điều 6. Quyền hạn của nhà trường

Thực hiện các quyền hạn theo quy định của Điều lệ nhà trường và quy định của pháp luật.

Tham mưu với UBND các cấp đầu tư về cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho hoạt động dạy và học của nhà trường theo mục tiêu giáo dục toàn diện và quy định xây dựng cơ sở vật chất trường chuẩn quốc gia.

Kiến nghị với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng đảm bảo điều kiện về an ninh trật tự khu vực trường học và cơ sở giáo dục, không để các tiêu cực, tệ nạn xã hội tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

Phối hợp cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh vận động cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội khác tham gia đóng góp kinh phí xây dựng cơ sở vật chất trường học theo pháp luật hiện hành.

Điều 7. Trách nhiệm của gia đình

Nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, tạo điều kiện cho con em được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường; không để con em bỏ học, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của trẻ em.

Xây dựng gia đình văn hoá, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ của con em; tạo điều kiện thuận lợi cho con em học tập tại nhà, cùng nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

Quản lý, giám sát lịch trình học tập, vui chơi giải trí, sinh hoạt của con em mình tại nhà. Nắm vững diễn biến tư tưởng, đạo đức, học lực của con em, chủ động thông báo cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm những vấn đề không bình thường của con em mình và những học sinh khác để thống nhất biện pháp phối hợp giáo dục.

Chủ động, tích cực phối hợp cùng nhà trường và các tổ chức đoàn thể giáo dục con em; phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của con em mình gây ra theo quy định của pháp luật.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ban giám hiệu nhà trường hoặc giáo viên chủ nhiệm tổ chức, tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục và hưởng ứng các hoạt động của Hội khuyến học.

Điều 8. Quyền của gia đình

Cha mẹ học sinh có các quyền quy định tại Điều 95 của Luật Giáo dục và trong Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về nội dung, chương trình phối hợp và phương pháp giáo dục học sinh của trường.

Yêu cầu nhà trường thường xuyên thông báo kết quả học tập và rèn luyện của con em mình; tham gia các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường; yêu cầu nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục giải quyết theo pháp luật những vấn đề có liên quan đến việc giáo dục con em.

Điều 9. Trách nhiệm của UBND phường

Quan tâm chỉ đạo và tham gia quản lý sự nghiệp giáo dục, theo chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tuyên truyền để mọi tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn làm tốt công tác tuyên truyền vận động, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh đến trường và tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục.

Chỉ đạo Đoàn phường phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc vận động học sinh tới trường. Có chế tài xử lý những trường hợp không thực hiện đúng chức năng trong việc góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Đầu tư về nhân lực, vật lực cho sự phát triển giáo dục. Sẵn sàng đáp ứng khi nhà trường có những yêu cầu đề nghị về sự hỗ trợ, giúp đỡ trong công tác tuyên truyền vận động giáo dục học sinh; chủ động xây dựng các quỹ khuyến học, khuyến tài để khen thưởng động viên kịp thời học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện.

Điều 10. Quyền hạn của UBND phường

Yêu cầu nhà trường thông báo định kì hoặc đột xuất về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của đơn vị, các vấn đề liên quan đến học sinh và nhà trường.

Yêu cầu nhà trường phối hợp để triển khai, thực hiện những chủ trương, nhiệm vụ có nội dung liên quan tới giáo dục cho học sinh.

Điều 11. Ban đại diện cha mẹ học sinh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quy định chủ động phối hợp chặt chẽ với nhà trường và cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Đề nghị Đoàn phường và các tổ chức thành viên động viên nhân dân trong xã chăm lo sự nghiệp giáo dục; vận động gia đình thực hiện tốt Quy chế này; Xây dựng cam kết giữa Đoàn phường với Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 13. Hội đồng giáo dục, Hội khuyến học, căn cứ vào Điều lệ của Hội, phổ biến, triển khai nội dung Quy chế này tới các thành viên, tham gia chỉ đạo thực hiện Quy chế.

Điều 14. UBND phường trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung:

Chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế này tại địa phương; chỉ đạo các tổ dân phố bản tăng cường công tác tuyên truyền vận động các hộ gia đình tham gia tích cực phong trào xã hội hóa giáo dục.

Định kì, đột xuất kiểm tra các thôn, bản, nhà trường về việc thực hiện Quy chế này.

Điều 15. Các tổ trưởng tổ dân phố bản, các ban ngành đoàn thể trong phường căn cứ phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình phổ biến, quán triệt tới cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 16. Định kỳ sơ kết học kì I, tổng kết năm học UBND phường phối hợp với các lực lượng giáo dục tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nội dung cam kết phối hợp thực hiện Quy chế, báo cáo với UBND thành phố.

Điều 17. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội được nhà trường, chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý giáo dục xem xét, khen thưởng theo quy định.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện Quy chế, ảnh hưởng tới sự nghiệp giáo dục, thiệt hại đến lợi ích của nhà trường, gia đình học sinh và gây hậu quả xã hội nghiêm trọng tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh tại nhà trường

- Các Hoạt động trải nghiệm.
- Các buổi sinh hoạt tập thể.

đ) Thực đơn theo tuần

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

a. Số lượng học sinh

Khối	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	K.Tật	Mồ côi	Hộ nghèo	HS hưởng chế độ chính sách	HS BT	Ghi chú
K1	150	81	54	22	1			9	91	
K2	138	73	52	23	0			2	76	
K3	138	66	37	22	1	1	2	4	60	
K4	154	54	48	17	4		1	11	48	
K5	135	57	38	18	1			3	40	
TS	715	331	229	102	7	1	3	29	315	

b) Kết quả đánh giá học sinh theo thông tư 27/2020/TT-BGDĐT

Các môn học và hoạt động giáo dục:

	Tổng số HS	Tỉ lệ	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
			Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ
I. Kết quả học tập												
1. Tiếng Việt	709		149		138		138		150		134	
Hoàn thành tốt	657	93	146	98	133	96	126	91	124	83	128	95.5
Hoàn thành	52	7	3	2	5	4	12	9	26	17	6	4.5
Chưa hoàn thành												
2. Toán	709		149		138		138		150		134	
Hoàn thành tốt	619	87	142	95	131	95	122	88	110	73	114	85
Hoàn thành	90	13	7	5	7	5	16	12	40	27	20	15
Chưa hoàn thành												
3. Đạo đức	709		149		138		138		150		134	
Hoàn thành tốt	672	95	141	95	125	91	134	97	143	95	129	96
Hoàn thành	37	5	8	5	13	9	4	3	7	5	5	4
Chưa hoàn thành												
4. Tự nhiên và Xã hội	425		149		138		138					
Hoàn thành tốt	384	90	141	95	124	90	119	86				
Hoàn thành	41	10	8	5	14	10	19	14				
Chưa hoàn thành												
5. Khoa học	284								150		134	
Hoàn thành tốt	279	98							146	97	133	99.3
Hoàn thành	5	2							4	3	1	0.7
Chưa hoàn thành												
6. LS&ĐL	284								150		134	
Hoàn thành tốt	258	91							129	86	129	96
Hoàn thành	26	9							21	14	5	4
Chưa hoàn thành												
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	709		149		138		138		150		134	
Hoàn thành tốt	653	92	146	98	127	92	126	91	122	81	132	98.5
Hoàn thành	56	8	3	2	11	8	12	9	28	19	2	1.5
Chưa hoàn thành												
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	709		149		138		138		150		134	

Hoàn thành tốt	644	91	141	95	128	93	120	87	127	85	128	95.5
Hoàn thành	65	9	8	5	10	7	18	13	23	15	6	4.5
Chưa hoàn thành												
9. Hoạt động trải nghiệm	709		149		138		138		150		134	
Hoàn thành tốt	646	91	141	95	128	93	119	86	127	85	131	97.8
Hoàn thành	63	9	8	5	10	7	19	14	23	15	3	2.2
Chưa hoàn thành												
10. Giáo dục thể chất	709		149		138		138		150		134	
Hoàn thành tốt	676	95	146	98	135	98	125	91	142	95	128	95.5
Hoàn thành	33	5	3	2	3	2	13	9	8	5	6	4.5
Chưa hoàn thành												
11. TH-CN (Công nghệ)	422						138		150		134	
Hoàn thành tốt	382	91					125	91	131	87	126	94
Hoàn thành	40	9					13	9	19	13	8	6
Chưa hoàn thành												
12. TH-CN (Tin học)	422						138		150		134	
Hoàn thành tốt	399	95					123	89	142	95	134	100
Hoàn thành	23	5					15	11	8	5		
Chưa hoàn thành												
13. Ngoại ngữ	709		149		138		138		150		134	
Hoàn thành tốt	590	83	140	94	120	87	111	80	108	72	111	82.8
Hoàn thành	119	17	9	6	18	13	27	20	42	28	23	17.2
Chưa hoàn thành												

Năng lực:

	Tổng số HS	Tỉ lệ	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
			Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ
Năng lực chung												
Tự chủ và tự học	709		149		138		138		150		134	
Tốt	644	91	136	91	123	89	133	96	132	88	120	89.6
Đạt	65	9	13	9	15	11	5	4	18	12	14	10.4
Cần cố gắng												
Giao tiếp và hợp tác	709		149		138		138		150		134	
Tốt	633	89	136	91	125	91	119	86	130	87	123	91.8

[illegible]

Phẩm chất:

	Tổng số HS	Tỉ lệ	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
			Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ	Tổng số HS	Tỉ lệ
<i>Yêu nước</i>	709		149		138		138		150		134	
Tốt	709	100	149	100	138	100	138	100	150	100	134	100
Đạt												
Cần cố gắng												
<i>Nhân ái</i>	709		149		138		138		150		134	
Tốt	702	99	149	100	131	95	138	100	150	100	134	100
Đạt	7	1			7	5						
Cần cố gắng												
<i>Chăm chỉ</i>	709		149		138		138		150		134	
Tốt	670	94	145	97	131	95	127	92	133	89	134	100
Đạt	39	6	4	3	7	5	11	8	17	11		
Cần cố gắng												
<i>Trung thực</i>	709		149		138		138		150		134	
Tốt	700	99	149	100	131	95	137	99	149	99	134	100
Đạt	9	1			7	5	1	1	1	1		
Cần cố gắng												
<i>Trách nhiệm</i>	709		149		138		138		150		134	
Tốt	684	96	148	99	131	95	137	99	134	89	134	100
Đạt	25	4	1	1	7	5	1	1	16	11		
Cần cố gắng												

3.3 Kết quả giáo dục cuối năm học:

- Tỷ lệ học sinh chuyển lớp khối 1,2,3,4: 580/580 học sinh, đạt 100%
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học : 135/135 học sinh, đạt 100%.
- Khen thưởng học sinh năm học 2024 -2025: 555/715 em đạt 77,6%.
- Kết quả các hội thi, cuộc thi trong năm học 2024-2025:

Thi Toán trên Internet cấp trường có 336 học sinh đạt giải giao lưu Violympic Toán trong đó giải Nhất: 41 giải; Giải Nhì: 66 giải; Giải Ba: 88 giải; Giải Khuyến khích: 141 giải

Thi giải Toán Internet cấp tỉnh kết quả: 112 em đạt giải trong đó : 1 giải Vàng, 6 giải Bạc ; 7 giải Đồng ; 98 giải Khuyến khích.

Thi Toán trên Internet cấp Quốc gia : 01 em đạt giải Vàng ; 5 em đạt giải Khuyến khích..

Thi Olympic Tiếng Anh trên internet cấp trường có 95 học sinh đạt giải trong đó giải Nhất: 5 giải; Giải Nhì: 6 giải; Giải Ba: 50 giải; Giải Khuyến khích: 34 giải.

Thi Olympic Tiếng Anh trên internet Anh cấp thành phố: có 15 em đạt giải trong đó giải nhất: 04 giải; giải Nhì: 02 giải; Giải Ba: 01 giải; Giải Khuyến khích: 8 giải.

Thi Olympic Tiếng Anh trên internet Anh cấp tỉnh kết quả : 28 em đạt giải trong đó : 04 giải Nhất ; 02 giải Nhì ; 03 giải Ba ; 19 giải Khuyến khích.

Thi tiếng Anh cấp Quốc gia: 01 giải Khuyến khích.

Thi Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp trường 278 học sinh đạt giải trong đó: Giải Nhất: 41 giải; Giải Nhì: 61 giải; Giải Ba: 78 giải; Giải Khuyến khích: 98 giải

Thi Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp thành phố (thi Hương) kết quả: 156 em đạt giải trong đó giải Nhất: 17 giải; Giải Nhì: 41 giải; Giải Ba: 52 giải; Giải Khuyến khích: 46 giải

Thi Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp tỉnh (thi Hội) kết quả: 49 em đạt giải trong đó : 1 giải Nhất ; 4 giải Nhì ; 13 giải Ba ; 31 giải Khuyến khích.

- Các cuộc thi khác: Vẽ tranh ý tưởng trẻ thơ: 586 bài; viết thư quốc tế UPU lần thứ 54: 280; Thi Sáng tạo TTN cấp TP: 01 sản phẩm đạt giải khuyến khích.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Số TT	Chỉ tiêu	Năm báo cáo (năm 2024)	Năm liền kề trước năm báo cáo (năm 2023)
I	Tổng số thu	10,618,173,035	8,986,121,752
1	Nguồn ngân sách cấp	9,791,513,035	8,334,534,152
1.1	Nguồn chi thường xuyên	9,229,763,035	8,078,334,152
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	561,750,000	256,200,000
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	306,000,000	240,000,000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	30,750,000	16,200,000
	- Thuong theo ND 73/2024/ND-CP	225,000,000	
2	Nguồn thu khác	826,660,000	651,587,600
	Nước uống + dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (Thỏa thuận)	116,000,000	124,350,000
	Tiếng Anh tự chọn cho học sinh Lớp 1,2	499,560,000	309,817,600
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; tu bổ cơ sở vật chất	211,100,000	217,420,000
II	Tổng số chi	10,618,173,035	8,986,121,752
1.1	Nguồn chi thường xuyên	9,229,763,035	8,078,334,152
	Tiền lương và các khoản theo lương	8,481,757,418	6,997,490,379
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	94,735,601	55,309,409
	Chi hoạt động giáo dục	485,258,981	1,025,534,364
	Chi nghỉ chế độ 108	168,011,035	
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	561,750,000	256,200,000

	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	306,000,000	240,000,000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	30,750,000	16,200,000
	- Thường theo ND 73/2024/ND-CP	225,000,000	
1.3	Nguồn chi khác	826,660,000	651,587,600
	Nước uống + dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (Thỏa thuận)	116,000,000	124,350,000
	Tiếng Anh tự chọn cho học sinh Lớp 1,2	499,560,000	309,817,600
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; tu bổ cơ sở vật chất	211,100,000	217,420,000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện hiệu quả, sáng tạo các cuộc vận động

Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII, cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, các phong trào thi đua: “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “ Vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”; “Cán bộ, công chức, viên chức thành phố Điện Biên Phủ thi đua thực hiện văn hóa công sở”; “Chuyển đổi số” và phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”...

2. Các hoạt động chuyên môn dạy và học

- Đã xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy.

- Triển khai thực hiện tốt chương trình GDPT 2018.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt các nội dung lồng ghép; tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Tổ chức dạy tin học, Tiếng Anh bắt buộc và Tiếng Anh tự chọn lớp 1,2.

- 100% cán bộ, giáo viên tự học và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ UDCNTT. 100% cán bộ giáo viên tham gia chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch.

- Thực hiện nghiêm túc sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối trong trường và cụm trường. Tập trung vào các nội dung: Các tiết dạy thống nhất phương pháp theo SGK mới, giáo dục STEM,...

3. Công tác truyền thông về giáo dục tiểu học

Thực hiện tốt công tác truyền thông về giáo dục: Đăng tải kịp thời trên Zalo, Facebook, Website các nội dung tuyên truyền, tin bài về các hoạt động của nhà trường.

Nội dung truyền thông tập trung vào: Công tác chuẩn bị các điều kiện cho năm học mới, HS tựu trường, Lễ khai giảng, tuyên truyền về ATGT, Hội nghị CBVC, hiến máu nhân đạo, tổ chức trung thu cho học sinh, chào mừng 20/10, 20/11, 22/12; các cuộc thi,

HĐTN, các hoạt động chào mừng Lễ hội hoa ban, năm du lịch quốc gia.... tuyên truyền về Luật trẻ em, Luật phòng chống ma túy và phòng chống tai nạn thương tích.

4. Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho học sinh.

5. Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học, quy chế dân chủ trong nhà trường và công khai theo quy định.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2025 của trường Tiểu học Nam Thanh theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nay nhà trường báo cáo công khai trên website nhà trường, bản tin nhà trường và trong cuộc họp VC-NLĐ nhà trường để các cấp quản lý, VC-NLĐ cha mẹ học sinh, học sinh nhà trường và nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy phường
- Phòng VH-XH;
- Trang TTĐT;
- CB, GV, NV, PH;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Bích Huệ

